

NỘI CÁC TRẦN TRỌNG KIM: BẢN CHẤT, VAI TRÒ VÀ VỊ TRÍ LỊCH SỬ

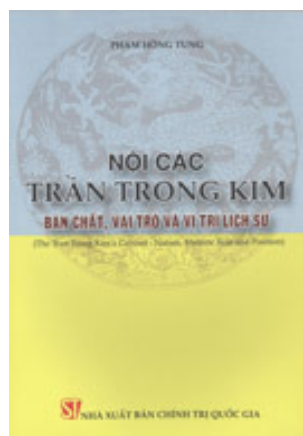
PHẠM HỒNG TUNG. Nội các Trần Trọng Kim:
Bản chất, vai trò và vị trí lịch sử. H.: Chính trị
quốc gia, 2009, 375 tr.

VIỆT ĐỨC
giới thiệu

Quốn sách là một chuyên khảo lịch sử
độc đáo, có ý nghĩa khoa học và ý
nghĩa chính trị quan trọng bởi nó đề cập
đến một trong những “khoảng trống”
trong nghiên cứu về lịch sử Việt Nam
cận – hiện đại.

Như tác giả của công trình cho biết,
cho đến nay, đã có hàng trăm công trình
nghiên cứu công phu của các nhà sử học
Việt Nam và nước ngoài được công bố
bằng nhiều thứ tiếng khác nhau về đề
tài này. Tuy nhiên, dù tiếp cận vấn đề
từ những góc độ khác nhau, hầu hết
các tác giả đều chỉ quan tâm nghiên
cứu quá trình nhân dân Việt Nam
trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ II
đã nỗ lực vùng lên tự giải phóng
mình và lập nên chính quyền cách
mạng như thế nào mà thôi.

Còn đối tượng của cuộc Cách mạng
tháng Tám chỉ được quan tâm ở mức độ
rất hạn chế. Cho dù ách chiếm đóng của
quân đội Nhật Bản, chế độ và chính
sách cai trị của tập đoàn thống trị thực



dân Pháp tại
Việt Nam
trong thời kỳ
Chiến tranh
thế giới thứ II
đã được khảo
cứu khá sâu
sắc trong một
số công trình
của các học
giả Việt Nam
và nước ngoài,

thì những câu hỏi vô cùng quan trọng
sau vẫn còn bị bỏ ngỏ, hoặc nói chính
xác hơn là chưa có lời giải đáp thỏa
đáng, đó là: *trong quá trình lực lượng
yêu nước và cách mạng giành chính
quyền thì quyền lực chính trị nào đã bị
thủ tiêu, chính quyền nào đã bị lật đổ,
chính quyền bị lật đổ đó có lịch sử và
hoạt động ra sao, bản chất, vai trò và vị
trí lịch sử của nó nên được đánh giá như
thế nào cho thỏa đáng?*

Chừng nào những câu hỏi trên chưa
được trả lời một cách thỏa đáng thì

những gì chúng ta đã biết, đã trình bày về lịch sử cuộc Cách mạng tháng Tám nói riêng và lịch sử Việt Nam cận - hiện đại nói chung vẫn còn một “khoảng trống” không nhỏ, và do vậy những đánh giá, luận giải về tính chất, đặc điểm và ý nghĩa của cuộc Cách mạng tháng Tám vẫn còn chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, toàn diện và chưa thật chắc chắn.

Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* lịch sử đọc tại Vườn hoa Ba Đình chiều ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố chắc chắn: “*Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp*”^(*).

Thế nhưng, trong tất cả các công trình nghiên cứu đã được công bố ở Việt Nam và ở nước ngoài, không ai có thể chứng minh được một cách thuyết phục rằng nhân dân Việt Nam đã “*lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật*” như thế nào? Không ai có thể chỉ ra rõ ràng rằng người Nhật đã bị lật đổ ở những đâu? Bao nhiêu tướng lĩnh quân sự hay bao nhiêu quan chức dân sự người Nhật đã bị lực lượng cách mạng tiêu diệt, bắt giữ hoặc đã tự nguyện đầu hàng cách mạng?

Không dễ gì có thể trả lời được những câu hỏi trên một cách thấu đáo, bởi trên thực tế, trong quá trình lực lượng yêu nước và cách mạng do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo giành chính quyền từ ngày 13 đến ngày 30/8/1945, về cơ bản quân đội Nhật đã chịu giữ thái độ trung lập, không can thiệp vào công việc nội bộ của người Việt Nam. Chỉ có ở một số rất ít địa phương đụng

độ giữa quân Nhật và lực lượng cách mạng đã nổ ra, nhưng cuối cùng cũng được dàn xếp ổn thỏa thông qua thương lượng. Việc các lực lượng yêu nước và cách mạng do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo trung lập hóa được gần 100 nghìn quân Nhật với vũ khí đầy đủ trong tay là một thắng lợi to lớn, có ý nghĩa vô cùng quan trọng của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy sáng tạo, dũng cảm và khôn khéo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh và nhân dân Việt Nam lúc đó, và thắng lợi của cuộc đấu tranh ngoại giao này đã góp phần to lớn vào thắng lợi chung “nhANH gọn, ít đổ máu” và khá trọn vẹn của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trên thực tế thì trong quá trình lực lượng yêu nước và cách mạng giành chính quyền ở nửa sau tháng Tám năm 1945, chỉ có hệ thống chính quyền bản xứ do Hoàng đế Bảo Đại và Nội các Trần Trọng Kim đứng đầu là trực tiếp bị lật đổ trên phạm vi toàn quốc, tất cả các cấp, từ thành thị tới nông thôn.

Vậy bản chất, vai trò và vị trí lịch sử của Nội các Trần Trọng Kim và hệ thống chính quyền bản xứ đã bị cách mạng lật đổ đó cần phải được đánh giá như thế nào? PGS., TS. Phạm Hồng Tung (Đại học Quốc gia Hà Nội) thử đưa ra lời giải cho câu hỏi này trong cuốn sách được giới thiệu tóm tắt dưới đây.

Tác giả cho rằng, trong hầu hết các công trình nghiên cứu đã công bố về cuộc Cách mạng tháng Tám và về lịch sử Việt Nam giai đoạn 1940-1945, nhiều tác giả khác đều có đề cập đến lịch sử và hoạt động của Nội các Trần Trọng Kim dưới những góc nhìn khác nhau, nhưng

(*) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, H.: Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 436.

nhìn chung mới chỉ dừng lại ở mức độ khá giản lược. Có thể nói chưa bao giờ lịch sử của Nội các Trần Trọng Kim và hệ thống chính quyền thuộc địa do nó chỉ huy được coi là một *đối tượng nghiên cứu độc lập* của các nhà sử học Việt Nam và nước ngoài, mà hầu như Nội các này chỉ được coi như một đối tượng nghiên cứu phụ mà thôi.

Và đặc biệt, cách nhìn nhận, đánh giá của giới học giả ở Việt Nam và ở nước ngoài về bản chất, vai trò và địa vị lịch sử của Nội các Trần Trọng Kim cũng rất khác nhau. Trong khi nhiều tác giả coi Nội các Trần Trọng Kim là chính phủ bù nhìn, thân Nhật, là tay sai của phát xít Nhật, vừa phản dân tộc, vừa phản dân chủ, thì trái lại, một số tác giả lại đề cao Nội các này, cho rằng nó là một chính phủ dân tộc của các trí thức yêu nước, đấu tranh vì nền độc lập và bảo vệ chủ quyền quốc gia, thậm chí nó đã khởi xướng một cuộc cách mạng ở Việt Nam. Ôn hòa hơn là loại quan điểm thứ ba của một số học giả Việt Nam và nước ngoài cho rằng Nội các Trần Trọng Kim là một chính phủ của những nhà cải cách kỹ trị có tinh thần dân tộc, nhưng bất lực trước nhiệm vụ lịch sử của nó.

Trong công trình của mình tác giả đã nghiên cứu một cách toàn diện, sâu sắc và cụ thể hoàn cảnh, nguyên nhân ra đời, các chủ trương, chính sách và hoạt động của Nội các Trần Trọng Kim, và đi tới những cách đánh giá mới về bản chất, vai trò và vị trí lịch sử của nó, thông qua đó góp phần mang lại nhận thức mới, đầy đủ và xác thực hơn về lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại.

Để giải quyết những nhiệm vụ phức tạp trên, bên cạnh việc khai thác, xử lý và sử dụng nhiều nguồn sử liệu khác nhau, tham bác rộng rãi, kế thừa có chọn lọc hàng chục công trình nghiên cứu của các học giả Việt Nam và nước ngoài, tác giả cuốn sách đã khai thác, xử lý và đưa vào sử dụng trong công trình nhiều nguồn sử liệu mới và có giá trị, đặc biệt là các tài liệu lưu trữ do các nhà nghiên cứu Nhật Bản cung cấp.

Về cách tiếp cận, tác giả đã dựa trên hệ thống các phương pháp đặc thù của khoa học lịch sử, đồng thời cũng vận dụng ở những mức độ nhất định các phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận của khoa học chính trị hiện đại.

Về kết cấu, công trình gồm ba chương. *Chương một*, tác giả tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ hoàn cảnh lịch sử dẫn tới sự ra đời của Nội các Trần Trọng Kim. Theo tác giả, sự ra đời của Nội các Trần Trọng Kim, được đặt trong bối cảnh rộng lớn của cuộc Chiến tranh thế giới thứ II và đặc biệt là trong diễn trình lịch sử của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam từ năm 1940 đến năm 1945. Dựa trên nhiều nguồn tài liệu, nhất là các sử liệu do các nhà nghiên cứu Nhật Bản cung cấp, tác giả đã chỉ ra rằng sự ra đời của Nội các Trần Trọng Kim là sự hiện thực hóa một trong số các phương án thống trị Việt Nam của phát xít Nhật, hơn nữa phương án này đã được chuẩn bị khá kỹ càng từ khoảng gần hai năm trước khi cuộc đảo chính Nhật – Pháp xảy ra. Theo tác giả, trong suốt thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ II, giới lãnh đạo Nhật Bản ở Tokyo và ở Đông Dương không

ngừng tranh cãi và cân nhắc về chính sách của họ đối với Đông Dương thuộc Pháp nói chung và đối với phong trào dân tộc chủ nghĩa của người Việt Nam nói riêng. Cuối cùng thì sự lựa chọn chính sách của người Nhật bao giờ cũng hướng tới mục tiêu tối hậu và duy nhất của họ là phục vụ cho các nỗ lực chiến tranh của họ. Đây chính là nguyên nhân mà người Nhật đã quyết định không lật đổ mà lại cộng tác với thực dân Pháp để cùng cai trị và bóc lột Đông Dương cho đến đầu năm 1945. Hệ quả của chính sách này chính là việc ủng hộ nửa vời của người Nhật đối với các nhóm “dân tộc chủ nghĩa thân Nhật” của người Việt Nam. Do đó, trong so sánh với các nước Đông Nam Á khác, ở Việt Nam các nhóm thân Nhật đều tương đối yếu và phân tán.

Từ khi diễn biến cuộc Thế chiến II ngày càng trở nên bất lợi cho Nhật Bản, và đến đầu năm 1945, trước thế thua toàn diện, quân Nhật quyết định tiến hành đảo chính lật đổ thực dân Pháp để loại trừ âm mưu đánh tập hậu của Pháp, bảo đảm an toàn cho cây cầu chiến lược Đông Dương, mà lúc đó đã trở nên có ý nghĩa sống còn với quân Nhật trên toàn cõi Đông Á. Nhưng vấn đề mới được đặt ra là: quân Nhật sẽ cai trị Việt Nam như thế nào sau khi lật đổ người Pháp. Lúc này người Nhật mới phải cân nhắc lựa chọn nhóm thân Nhật nào của người bản xứ để trao cho việc lập chính phủ bù nhìn.

Theo nghiên cứu của tác giả thì ở vào thời điểm đầu năm 1945 quân Nhật có trong tay một số lựa chọn. Trong đó, phương án Cường Để - Ngô Đình Diệm được nhiều chính khách ngoại giao Nhật

ủng hộ, bởi phương án này có sự hậu thuẫn của Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh hội và hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo. Trên thực tế thì đây là nhóm thân Nhật mạnh nhất ở Việt Nam. Tuy nhiên, giới quân sự Nhật tại Đông Dương đã kiên quyết phản đối phương án này, vì lo ngại sẽ gây ra những đảo lộn ở Việt Nam và điều này là bất lợi cho việc phòng thủ lúc đó của quân Nhật. Đó chính là nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho tất cả các nhóm thân Nhật tương đối có thực lực ở Việt Nam bị người Nhật loại bỏ và phương án Bảo Đại – Trần Trọng Kim vốn chỉ là một phương án dự bị đã được người Nhật lựa chọn. Đây chính là bối cảnh lịch sử dẫn đến việc ra đời của Nội các Trần Trọng Kim.

Trong *chương hai*, tác giả trình bày khá chi tiết các chủ trương, chính sách và hoạt động của Nội các Trần Trọng Kim từ khi nó chính thức được Hoàng đế Bảo Đại phê chuẩn (ngày 17/8/1945) cho tới phiên họp cuối cùng của Nội các (vào ngày 23/8/1945; nêu rõ kết quả và tác động của từng chủ trương, chính sách và từng hoạt động chính của Nội các. Tuy nhiên, do chưa khai thác được đủ cơ sở dữ liệu cần thiết nên hoạt động của các cấp chính quyền bản xứ ở các địa phương chỉ được đề cập đến ở mức độ hạn chế.

Chương ba tập trung trình bày những cách đánh giá khác nhau về Nội các Trần Trọng Kim và đề xuất những kiến giải, đánh giá riêng của tác giả Phạm Hồng Tung về vấn đề này.

Tác giả cho biết, để đảm bảo một sự công bằng nhất định với lịch sử của Nội các, tác giả có dành cho “tiếng nói của

những người trong cuộc” một không gian nhất định - đó là các ý kiến của Trần Trọng Kim – người đứng đầu Nội các, Hoàng Xuân Hãn – nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Nghệ thuật, và Phan Anh – nguyên Bộ trưởng Bộ Thanh niên. Đây là điều khác biệt so với những nghiên cứu trước đây khi đề cập đến Nội các này, đồng thời cũng là một minh chứng cho thái độ thận trọng, tôn trọng sự thật lịch sử của tác giả. Tác giả chỉ dẫn lại mà hầu như không bình luận gì về các ý kiến của ba nhân vật nói trên được trình bày trong các bài hồi ký, hồi tưởng hay trả lời phỏng vấn của họ. Tuy được nêu ra trong các thời điểm khác nhau và trong những bối cảnh như nhau, nhưng cả ba nhân vật này đều có ý thức rất rõ đối với việc bào chữa, biện minh cho sứ mệnh và lịch sử của Nội các, trong đó, cả ba người đều ra sức phủ nhận bản chất bù nhìn, vai trò là tay sai của phát xít Nhật, đồng thời cố gắng chứng minh tính chất yêu nước, phụng sự dân tộc của Nội các.

Tiếp đó, tác giả lần lượt trình bày ý kiến đánh giá, nhận định của giới nghiên cứu nước ngoài và Việt Nam về Nội các Trần Trọng Kim. Theo tác giả có ba loại ý kiến, tiêu biểu cho ba cách đánh giá khác nhau của giới nghiên cứu về lịch sử của Nội các Trần Trọng Kim.

- Loại ý kiến thứ nhất chủ yếu là của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam, trong đó tiêu biểu nhất là ý kiến của Trần Huy Liệu và Trần Văn Giàu, hai trong số những nhà sử học có ảnh hưởng lớn nhất ở Việt Nam. Theo đó, Nội các Trần Trọng Kim bị coi là chính phủ bù nhìn, thân Nhật, là tay sai của phát xít

Nhật trong việc thống trị và áp bức nhân dân Việt Nam. Do đó Nội các này là đối tượng cần phải đánh đổ của cách mạng Việt Nam. Cho dù trong những năm vừa qua giới nghiên cứu ở Việt Nam đã bắt đầu điều chỉnh lại cách đánh giá này, nhưng nhìn chung, đây vẫn được coi là “ý kiến chính thống”, tiếp tục được đưa vào sách giáo khoa lịch sử cho tới tận năm 2008.

- Loại ý kiến thứ hai gần như tương phản hoàn toàn với loại ý kiến thứ nhất. Tiêu biểu cho loại ý kiến này là một số nhà sử học ở nước ngoài, nổi bật nhất là Vũ Ngự Chiêu (và mới đây nhất là Phạm Cao Dương). Theo một số nhà nghiên cứu này thì Nội các Trần Trọng Kim là một chính phủ dân tộc chủ nghĩa, có tinh thần yêu nước. Trong tình thế rất khó khăn, Nội các này đã phát động và tiến hành một “cuộc cách mạng từ bên trên” với nhiều chính sách yêu nước, tiến bộ. Theo logic đó, việc các lực lượng yêu nước và cách mạng do Mặt trận Việt Minh lãnh đạo lật đổ Nội các Trần Trọng Kim trong tháng Tám năm 1945 là một việc làm không cần thiết, thậm chí là đáng lên án.

- Loại ý kiến thứ ba tỏ ra ôn hòa hơn, chủ yếu do các nhà sử học Nhật Bản và phương Tây đề xuất, coi Nội các Trần Trọng Kim là một chính phủ của những nhà cải cách kỹ trị do người Nhật bảo trợ (*sponsored*). Dù đã cố gắng ban hành những chính sách cải cách tiến bộ, nhưng do nhiều nguyên nhân mà Nội các này đã dường như bất lực hoàn toàn trước nhiệm vụ lịch sử của nó. Đó là lý do nó tự tan rã và sụp đổ trong nửa sau tháng Tám năm 1945.

Trong phần cuối, tác giả đề xuất cách đánh giá mới về bản chất, vai trò, những đóng góp tích cực và những hạn chế của Nội các Trần Trọng Kim, trên cơ sở đó nêu ý kiến đánh giá về địa vị lịch sử của Nội các này và hệ thống chính quyền bản xứ do nó lãnh đạo.

- Về bản chất của Nội các Trần Trọng Kim, tác giả cho rằng Nội các Trần Trọng Kim và hệ thống chính quyền bản xứ tồn tại ở Việt Nam từ sau cuộc đảo chính Nhật-Pháp cho tới Cách mạng tháng Tám chính là *một hệ thống chính quyền bù nhìn của người Nhật*, do người Nhật dựng lên nhằm phục vụ mục tiêu chiếm đóng và tác chiến của quân đội Nhật. Tính chất bù nhìn của chính phủ này không những được Phạm Hồng Tung chỉ ra một cách thuyết phục với những sử liệu xác thực khi phân tích nguyên nhân và quá trình ra đời của Nội các, mà còn được ông chỉ ra khi phân tích chính những thông tin lộ ra trong cuốn hồi ký *"Một cơn gió bụi"* của Trần Trọng Kim. Tác giả nhấn mạnh bản chất bù nhìn của Nội các Trần Trọng Kim đã trở nên hết sức rõ ràng như một sự thật lịch sử hiển nhiên, không thể biện bác.

- Tuy nhiên, khi luận giải về vai trò của Nội các Trần Trọng Kim, tác giả lại cho rằng Nội các này *chỉ là một chính quyền bù nhìn thụ động, không phải là chính quyền tay sai đắc lực của người Nhật*. Khác với các chính phủ bù nhìn thân Nhật ở các nước khác trong khu vực, trong thời gian tồn tại ngắn ngủi của mình, Trần Trọng Kim và Nội các do ông đứng đầu đã không tiến hành

những hành động chống lại phe Đồng Minh, không hề tham gia tác chiến cùng quân Nhật hoặc hậu thuẫn cho quân Nhật. Những lời cáo buộc trước đây, rằng Nội các này tiếp tục giúp Nhật "nhổ lúa, trồng đay", "thu thóc tạ", "tăng thuế" hay "đàn áp cách mạng" đều không có cơ sở sử liệu xác thực. Vì vậy, sẽ không thỏa đáng khi cho rằng Nội các Trần Trọng Kim là "tay sai" của phát xít Nhật.

Đồng thời, trong nghiên cứu của mình, Phạm Hồng Tung đã chỉ ra rằng ngoại trừ Trần Trọng Kim là quân bài đã được phát xít Nhật chuẩn bị bí mật từ trước, dự bị cho chính sách cai trị Việt Nam của chúng sau khi lật đổ thực dân Pháp thì hầu như tất cả các thành viên khác của Nội các đều là những trí thức danh tiếng và yêu nước chân thành. Tuy chỉ có rất ít kinh nghiệm hoạt động chính trị và mặc dù trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, Nội các này đã làm được một số việc có lợi cho dân tộc, cho nhân dân Việt Nam. Trong đó, tiêu biểu nhất là việc họ đã góp phần to lớn trong việc khuấy động không khí và tinh thần yêu nước của các tầng lớp dân chúng, nhất là thanh niên. Đồng thời, những nỗ lực và đóng góp không nhỏ của Nội các trong việc đấu tranh góp phần bảo vệ chủ quyền, thống nhất quốc gia là rất đáng được ghi nhận.

Mặc dù chỉ là một chính phủ bù nhìn thụ động, không phải là tay sai của phát xít Nhật, thậm chí còn có những đóng góp khá quan trọng cho lợi ích dân tộc, nhưng với việc Nội các Trần Trọng Kim công khai đứng về phe Trục trong Thế chiến II đã hoàn toàn tước bỏ

tính chính đáng chính trị (*political legitimation*) của nó khi phe Trục bị bại trận. Vì vậy, trong bối cảnh lịch sử của Việt Nam và thế giới nửa sau tháng Tám năm 1945, nhân dân Việt Nam không còn lựa chọn nào khác là vùng lên lật nhào toàn bộ hệ thống chính quyền bản xứ thân Nhật để giành lấy độc lập thực sự và chỉ có như vậy, nhân dân Việt Nam mới có cơ sở và vị thế pháp lý quốc tế để bảo vệ chủ quyền quốc gia của mình.

Không những tự tước bỏ tính chính đáng chính trị mà do Nội các đã thất bại trong việc thực thi một loạt các chính sách do nó tự đề ra, đặc biệt là nó đã bất lực trong việc giải quyết nạn đói ở Bắc kỳ và Trung kỳ mà Nội các này đã dần dần mất hết uy tín chính trị trong dân chúng Việt Nam. Đây chính là nguyên nhân khiến cho nó tự tan rã và sụp đổ

vào tuần cuối tháng Tám năm 1945, mở đường thuận lợi cho cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi nhanh chóng.

Từ những lập luận đó, tác giả Phạm Hồng Tung cho rằng việc nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh, trong quá trình tiến hành tổng khởi nghĩa vào nửa sau của tháng Tám năm 1945, đã thực hiện thành công việc trung lập hóa quân Nhật và lật đổ chính quyền bù nhìn thân Nhật Trần Trọng Kim chính là phương thức “*lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật*” một cách sáng tạo, dũng cảm và khéo léo nên đã thành công “nhanh gọn và ít đổ máu”.

Đó cũng là kết luận của công trình nghiên cứu này và cũng là cách tác giả góp phần làm sáng tỏ tính chất dân tộc và dân chủ cũng như tầm vóc to lớn của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.